

Số: 34/2020/QĐST-HNGĐ

Bắc Mê, ngày 25 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị N; Sinh năm 1998.
Nơi cư trú: Thôn P, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang.
Nghề nghiệp: Trồng trọt.

- Bị đơn: Anh Trương Minh D; Sinh năm 1994.
Nơi cư trú: Thôn P, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang.
Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nông Thị N và anh Trương Minh D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N và anh Trương Minh D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Trương Minh D thỏa thuận.

Anh Trương Minh D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Trương Thanh T, sinh ngày 23/10/2013 và Trương Trí U, sinh ngày 22/7/2015. Chị Nông Thị N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Nông Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị N tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nông Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê theo biên lai số 04472 ngày 29/7/2020. Chị Nông Thị N được hoàn trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Anh Trương Minh D không phải chịu tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện B;
- UBND xã Giáp T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Dương Văn Công